

Số: 92 /BC-PGDĐT

Bến Cát, ngày 03 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả tổng hợp Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục năm học 2022- 2023

Căn cứ Công văn số 1011/SGDĐT-VP ngày 16/05/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023.

Phòng Giáo dục và Đào tạo báo cáo tình hình triển khai, kết quả tổng hợp Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo của các cơ sở giáo dục phổ thông trực thuộc trên địa bàn thành phố, cụ thể như sau:

- Tổ chức triển khai¹ hướng dẫn đánh giá² mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổng hợp kết quả tự đánh giá của 26 đơn vị Tiểu học và THCS về Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2022-2023 (mã Qr đính kèm):



- Thực hiện công bố kết quả trên Công thông tin điện tử của ngành Giáo dục và Đào tạo thị xã qua link <https://bencat.edu.vn>.

Trên là báo cáo của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Bến Cát về đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2022-2023./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CNTT.



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Phú Hải

¹ Công văn số 117/PGDĐT ngày 01/02/2023 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

² Công văn số 747/PGDĐT ngày 18/5/2023 triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2022-2023.

PHỤ LỤC BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỘI SỐ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

STT	Tiêu chí	Điểm thành phần	Mức độ	TH MP	TH DT	TH HL	TH BP	TH TB	TH ATB	TH AD	TH TH	TH TQT	TH AS	TH ATA	TH CPH	TH TVO	TH LTV	TH HHH	TH VTS	TH THAL	THCS BP	THCS LQD	THCS PA	THCS HL	THCS MP	THCS TH	THCS AD	THCS CPH	THCS MT					
I	Chuyển đổi số trong dạy, học			83	83	76	93	93	80	78	85	95	82	93	84	93	88	83	93	78	82	86	78	82	95	94	76	82	78					
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp, ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hàng năm)			Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có				
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến			Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có				
	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến; - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)	Tối đa 6 điểm		6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6				
1.3.	Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp từ cây công nghệ/brandname) - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giao diện giao bài cho học sinh tự học; (2) Giao viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tự động kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 - 20 điểm Mức độ 3: trên 20 điểm		18	18	18	24	24	24	18	20	24	20	24	20	24	24	18	18	18	24	20	18	24	24	24	18	24	18	20	18			
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người dùng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	- ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm. - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm	Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm Mức độ 3: trên 7 điểm	6	6	6	10	10	6	10	6	10	6	10	6	10	10	6	6	10	6	6	6	6	10	10	6	6	6	6	6			
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	Tối đa 15 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	13	13	8	15	15	8	8	15	15	14	15	14	15	10	13	13	8	10	13	12	10	15	14	8	10	8	8	8			
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	Tối đa 5 điểm		5	5	5	5	5	3	3	5	5	3	5	3	5	5	5	5	3	3	8	3	5	5	5	3	5	5	5	5			
1.6.	Phạt triển nguồn nhân lực chuyên đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống kết nối thông tin trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu - Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học - Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7		
	Phần mềm có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm		6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	
	Hàng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8



